

Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ18,200
Tiềm năng tăng/giảm: 24.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2024)	14,650
Mã Bloomberg	MSB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,200-15,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	14,667
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	29,300
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,159
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,000
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	600
Slg CP NN được mua (tr.đv)	7.54
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.6%
Tỷ lệ freefloat	79.6%
Cổ đông lớn	VNPT (6.05%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	267,006	294,894	352,941
Dư nợ cho vay (ntđ)	149,145	176,266	208,269
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	12,259	14,568	16,081
Lợi nhuận thuần (ntđ)	4,644	5,444	5,560
BVPS (đồng)	15,761	18,277	21,057
EPS (đồng)	2,339	2,732	2,780
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	23.6	18.2	18.2
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	14.6	18.8	10.4
Tăng trưởng EPS (%)	0.61	16.8	1.78
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	16.0	16.0	14.1
ROAA (%)	1.94	1.94	1.72
Tỷ lệ NIM (%)	4.10	3.75	4.18
Tỷ lệ CIR (%)	39.3	35.3	37.4
Hệ số CAR (%)	12.8	13.6	14.5
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.87	2.90	2.70
LLR/nợ xấu (%)	55.2	54.0	56.9
Hệ số LDR (%)	113	111	105
P/B (lần)	0.93	0.80	0.70
P/E (lần)	6.26	5.36	5.27
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là ngân hàng tư nhân quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam, tập trung vào mảng bất động sản và cho vay mua nhà.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc
Chuyên Viên , Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Nguyễn Thanh Tùng, CFA
Chuyên Viên , Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

LNTT Q2 tăng khiêm tốn 7% nhưng sát với dự báo

- KQKD Q2/2024 của MSB khiêm tốn với LNTT tăng 7%. Tổng thu nhập hoạt động tăng 11% nhờ tăng trưởng thu nhập từ thu hồi nợ xấu ngoại bảng nhưng lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi chi phí dự phòng gia tăng. Nhìn chung, LNTT 6 tháng đầu năm 2024 hoàn thành 53,9% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Tăng trưởng tín dụng Q2 mạnh mẽ đạt 11,4% nhờ phân khúc khách hàng doanh nghiệp. Lo ngại về chất lượng tài sản vẫn hiện hữu, trong đó tỷ lệ nợ xấu vẫn cao hơn mức 3%, cùng với chi phí tín dụng tăng nhẹ đã tác động tiêu cực tới lợi nhuận thuần.
- MSB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 0,8 lần, thấp hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,16 lần. HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024 vào ngày 30/7/2024

MSB đã công bố BCTC Q2/2024 vào ngày 30/7/2024; chúng tôi đánh giá kết quả trong kỳ là khiêm tốn. Cụ thể, LNTT Q2/2024 đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ, trong đó thu nhập lãi thuần tăng nhẹ 6% so với cùng kỳ và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 19% so với cùng kỳ bù nhưng chi phí dự phòng tăng mạnh 25% so với cùng kỳ. Nhìn chung, LNTT 6 tháng đầu năm 2024 hoàn thành 53,9% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ nhờ phân khúc khách hàng doanh nghiệp

Tín dụng tăng trưởng mạnh 11,4% kể từ đầu năm (tín dụng Ngân hàng mẹ tăng 12,4% kể từ đầu năm, công ty con tài chính tiêu dùng TNEX giảm 56,5% kể từ đầu năm) và tăng 6,5% so với quý trước. Tương tự Q1/2024, tăng trưởng tín dụng giữa phân khúc khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân không có sự đồng đều. Cụ thể như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2024 & 6 tháng đầu năm 2024, MSB

	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ	% đạt dự báo HSC
Thu nhập lãi thuần	2,211	2,342	5.9%	4,368	4,707	7.8%	47.2%
Thu nhập ngoài lãi	1,317	1,571	19.3%	2,028	2,324	14.6%	50.5%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	812	370	-54.5%	1,081	670	-38.1%	53.5%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	328	385	17.3%	465	977	109.9%	84.0%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	66	70	7.1%	223	86	-61.4%	15.6%
Thu nhập khác	112	746	567.3%	258	591	129.0%	36.2%
Tổng thu nhập HĐ	3,528	3,913	10.9%	6,396	7,031	9.9%	48.3%
Chi phí HĐ	1,006	1,128	12.1%	1,945	2,176	11.9%	42.3%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	2,521	2,785	10.4%	4,451	4,855	9.1%	51.5%
Chi phí dự phòng	499	625	25.2%	903	1,165	29.1%	45.2%
LNTT	2,022	2,159	6.8%	3,548	3,689	4.0%	53.9%
Lợi nhuận thuần	1,618	1,730	6.9%	2,835	2,924	3.1%	53.7%

Nguồn: MSB, HSC

- Phân khúc khách hàng doanh nghiệp tiếp tục dẫn dắt với mức tăng mạnh 18,1% kể từ đầu năm và tăng 8,9% so với quý trước. Trong đó, chúng tôi nhận thấy điểm tích cực khi tỷ trọng cho vay có sự dịch chuyển khỏi ngành BĐS có mức độ rủi ro cao. Tín dụng đối với ngành BĐS sụt giảm 27% so với quý trước (nhưng vẫn tăng 16% kể từ đầu năm) sau khi tăng mạnh trong Q1/2024 và tỷ trọng cho vay ngành BĐS cũng giảm xuống 8,8% từ 9,2% trong Q1/2024.
- Phân khúc khách hàng cá nhân không có sự cải thiện trong Q2/2024 sau khi gây thất vọng trong Q1/2024 (đi ngang so với quý trước và giảm 6,2% kể từ đầu năm).

Tổng vốn huy động tăng 17,8% kể từ đầu năm (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng lần lượt 14,7% và 64% kể từ đầu năm), từ đó làm hệ số LDR điều chỉnh giảm xuống 100,8% từ 108,9% trong Q1/2024.

Tỷ lệ NIM giảm 24 điểm cơ bản so với quý trước xuống 3,4%

Tỷ lệ NIM hàng quý giảm 24 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 62 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 3,4% do lợi suất gộp sụt giảm và chi phí huy động đi ngang. Hệ số LDR sụt giảm cũng làm gia tăng sức ép lên tỷ lệ NIM.

Lợi suất gộp giảm 23 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 263 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 6,4%, tương tự như xu hướng của ngành do (1) mặt bằng lãi suất giảm xuống để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và (2) tình hình cạnh tranh gay gắt.

Chi phí huy động là 3,3%, đi ngang so với quý trước (giảm 212 điểm cơ bản so với cùng kỳ) do ảnh hưởng của (1) mặt bằng lãi suất thấp và (2) việc chuyển hướng kịp thời khỏi nguồn vốn liên ngân hàng có lãi suất cao trong Q2.

Thu nhập từ thu hồi nợ xấu ngoại bảng hỗ trợ tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động, đúng như dự báo

Thu nhập ngoài lãi tăng 19% so với mức nền cao cùng kỳ nhờ lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 17% so với cùng kỳ, lãi mua bán trái phiếu tăng 7% so với cùng kỳ và thu nhập khác tăng mạnh 567% so với cùng kỳ bù đắp sự sụt giảm mạnh của lãi thuần HĐ dịch vụ (giảm 54% so với cùng kỳ). Lãi thuần HĐ dịch vụ giảm mạnh nhiều khả năng do hoạt động bancassurance kém tích cực.

Thu nhập khác là động lực chính đóng góp vào tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động Q2/2024. Khoản thu nhập này bao gồm khoảng 800 tỷ đồng thu hồi nợ xấu ngoại bảng, đúng như kế hoạch của BLĐ và dự báo của chúng tôi. HSC dự báo MSB sẽ ghi nhận thêm khoảng 1 nghìn tỷ đồng từ thu nhập này trong 6 tháng cuối năm 2024.

Chất lượng tài sản vẫn gây lo ngại

Chất lượng tài sản không cải thiện trong Q2/2024 với tỷ lệ nợ xấu vẫn cao và tỷ lệ nợ nhóm 2 có xu hướng tăng. Tỷ lệ nợ xấu chỉ giảm nhẹ xuống 3,08% từ 3,18% trong Q1/2024 trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng lên 2,11% từ 1,75% trong Q1/2024, cho thấy những vấn đề dai dẳng về chất lượng của danh mục cho vay.

Đệm dự phòng có xu hướng tăng (tăng 13% so với quý trước và tăng 25% so với cùng kỳ) và chi phí tín dụng hàng quý tăng lên 1,6% từ 1,4% trong Q1/2024, từ đó tác động tiêu cực tới lợi nhuận thuần. Hệ số LLR cải thiện nhẹ lên 59% từ 54% trong Q1/2024 nhưng vẫn ở mức thấp so với ngành (trên 80%).

HSC dự báo MSB sẽ tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng trong 6 tháng cuối năm 2024, dựa trên những yếu tố đề cập ở trên.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

MSB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 0,8 lần, thấp hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,16 lần. HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	13,252	18,951	18,221	22,846	27,904
Chi phí lãi	(4,930)	(9,763)	(8,255)	(9,984)	(12,826)
Thu nhập lãi thuần	8,322	9,189	9,966	12,861	15,078
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,112	1,597	1,251	1,651	1,948
Lãi thuần HĐ KDNH	1,000	1,072	1,162	775	915
Lãi/lỗ từ mua bán CK	681	499	554	361	449
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.88	1.63	1.71	1.71	1.71
Thu nhập khác	(423)	(99.5)	1,633	430	532
Tổng thu nhập HĐ	10,694	12,259	14,568	16,081	18,924
Chi phí HĐ	(4,428)	(4,812)	(5,148)	(6,008)	(7,089)
LN trước dự phòng	6,266	7,447	9,420	10,073	11,835
Chi phí dự phòng	(479)	(1,617)	(2,578)	(3,123)	(3,866)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,787	5,830	6,842	6,950	7,969
Chi phí thuế TNDN	(1,171)	(1,186)	(1,398)	(1,390)	(1,594)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	4,616	4,644	5,444	5,560	6,375
EPS (đồng)	2,325	2,339	2,732	2,780	3,188
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,986	1,986	1,993	2,000	2,000
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,986	1,986	2,000	2,000	2,000
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,986	1,986	2,000	2,000	2,000

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,394	940	1,511	2,083	2,590
Tiền gửi tại NHNN	3,690	4,589	4,784	5,936	7,381
Tiền gửi tại các TCTD khác	39,244	61,150	55,636	71,198	87,017
Chứng khoán kinh doanh	21.7	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	446	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	119,213	146,783	173,505	205,070	242,463
Tổng dư nợ cho vay	120,644	149,145	176,266	208,269	246,032
Dự phòng rủi ro	(1,431)	(2,363)	(2,761)	(3,199)	(3,569)
Chứng khoán đầu tư	31,535	37,880	41,791	51,484	63,651
CK đầu tư sẵn sàng để bán	31,554	37,897	41,815	51,510	63,681
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(19.3)	(17.1)	(23.5)	(26.2)	(29.8)
Đầu tư dài hạn	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0
Tài sản cố định	383	403	400	412	425
Tài sản khác	16,841	15,252	17,256	16,749	20,023
Tổng tài sản	212,776	267,006	294,894	352,941	423,559
Nợ phải trả	186,122	235,708	258,340	310,826	375,069
Tiền gửi của NHNN	1,015	1,013	1,053	1,306	1,624
Tiền gửi của các TCTD khác	50,374	85,554	81,784	92,309	103,974
Tổng tiền gửi KH	117,121	132,350	159,479	197,855	246,032
Trái phiếu và CCTG	11,600	8,991	8,394	10,413	12,949
Nợ khác	6,013	7,537	7,289	8,602	10,150
Vốn chủ sở hữu	26,654	31,298	36,555	42,115	48,490
Vốn điều lệ	19,858	20,000	26,000	26,000	26,000
Thặng dư vốn cổ phần	33.5	33.5	33.0	33.0	33.0
Lợi nhuận giữ lại	4,866	8,674	7,421	12,165	17,706
Quỹ & vốn khác của CSH	1,897	2,591	3,101	3,917	4,751
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	212,776	267,006	294,894	352,941	423,559
BVPS (đồng)	13,423	15,761	18,277	21,057	24,245

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	4.47	25.5	10.4	19.7	20.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	18.8	23.6	18.2	18.2	18.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	23.8	13.0	20.5	24.1	24.3
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	19.6	9.81	18.8	24.1	24.3
Tăng trưởng VCSH (%)	20.9	17.4	16.8	15.2	15.1
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	33.9	10.4	8.47	29.0	17.2
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	12.6	8.68	6.98	16.7	18.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(5.87)	18.8	26.5	6.94	17.5
Tăng trưởng LNTT (%)	13.7	0.74	17.4	1.58	14.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	14.4	0.61	17.2	2.14	14.7
Chỉ số hiệu quả					
TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.14	5.11	5.19	4.96	4.87
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.13)	(2.01)	(1.83)	(1.85)	(1.83)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	91.6	93.4	94.6	95.0	95.4
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.70	1.94	2.28	2.50	2.91
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	17.6	17.7	20.7	21.1	24.2
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	6.30	6.26	5.36	5.27	4.60
P/B (lần)	1.09	0.93	0.80	0.70	0.60
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	43.2	37.9	37.4	34.6	33.7
ROAA (%)	2.22	1.94	1.94	1.72	1.64
ROAE (%)	19.0	16.0	16.0	14.1	14.1
Chi phí huy động BQ (%)	2.76	4.79	3.45	3.61	3.85
Lợi suất góp BQ (%)	6.95	8.46	6.86	7.42	7.53
Lợi suất thuần (%)	4.18	3.68	3.41	3.81	3.68
Tỷ lệ NIM (%)	4.36	4.10	3.75	4.18	4.07
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.4	13.0	8.59	10.3	10.3
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.8	75.0	68.4	80.0	79.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	22.2	25.0	31.6	20.0	20.3
Tỷ lệ CIR (%)	41.4	39.3	35.3	37.4	37.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.3	12.8	13.6	14.5	14.0
VCSH/Tổng TS (%)	12.5	11.7	12.4	11.9	11.4
Đòn bẩy vốn (lần)	7.98	8.53	8.07	8.38	8.73
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.71	2.87	2.90	2.70	2.40
Hệ số LLR (%)	69.2	55.2	54.0	56.9	60.4
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	103	113	111	105	100
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	28.1	37.7	32.8	30.7	28.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	56.7	55.9	59.8	59.0	58.1
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	263	263	263	263	263
Số lượng nhân viên	6,308	6,317	6,380	6,443	6,507

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn